

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 263/2022/DS-ST

Ngày: 22/12/2022

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Nhi

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Dung

2. Bà Hồ Thị Kim Luyện

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Diệp – Thư ký
Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 927/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H sinh năm: 1961

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố C.

Địa chỉ tạm trú: 132/24B, đường B, phường H, quận N, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: Số 379 tổ 8, Khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh V.

-Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: 89/19A, đường H, phường A, quận N, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H - ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Bà H và bà Nguyễn Thị Thu H có quen biết nhau, trong thời gian dài bà Thu H nhiều lần tìm đến nhà bà H để nhờ bà H hỏi vay mượn tiền bên ngoài cho bà Thu H, do nhẹ dạ và tin tưởng, nên bà đã hỏi bên ngoài và đưa tiền cho bà Thu H 02 lần. Cùng trong một ngày lần 01 bà đưa 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và lần hai bà đưa thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu

đồng). Tổng số tiền bà đã đưa cho bà Thu H 02 lần là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*). Bà Thu H viết giấy nợ, ký tên trong giấy nợ ngày 11/04/2021. Khi bà Thu H nhận tiền thì hứa sẽ đóng lãi hàng ngày và trong thời gian 01 tháng sẽ trả số tiền trên. Nhưng bà Thu H chỉ hứa cho suông để lấy tiền, từ khi nhận được tiền thì bà Thu H tìm cách lánh mặt không chịu đóng lãi như giao kết. Bà H là người đi hỏi nợ dùm phải xuất tiền ra đóng lãi, mỗi ngày phải đóng lãi là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), nhưng bà Thu H không đóng lãi. Bà H là người hỏi nợ dùm nên bà H phải xuất tiền đóng lãi, chuyện đóng lãi hàng ngày có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thu Trang. Bà H đã xoay sở, thậm chí phải bán đồ đạc trong nhà để có tiền đóng lãi và bà H đóng lãi với số tiền là 36.000.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu đồng*). Bà đã gặp bà Thu H nhiều lần, yêu cầu bà Thu H trả nợ gốc và tiền lãi, nhưng bà Thu H chỉ hứa cho suông và cố tình tránh né không muốn gặp mặt bà H.

Hoàn cảnh gia đình bà H vô cùng khó khăn, bà H phải chăm sóc mẹ già lớn tuổi, bị liệt toàn thân. Hiện bà H đang ở nhà thuê, lại là lao động chính trong gia đình. Nay bà H chỉ yêu cầu bà Thu H hoàn trả lại số tiền mà bà đã đứng ra vay giúp bà Thu H, nhưng bà Thu H cố tình không trả. Nay bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng có thay đổi về phần nợ lãi cụ thể như sau: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính theo lãi suất quá hạn của ngân hàng là 1,65%/tháng. Tính từ ngày 12/05/2022 đến ngày 30/10/2022 là 17 tháng 18 ngày $40.000.000 \text{ đồng} \times 1,65\% \times 17 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 12.048.000 \text{ đồng}$ tổng số tiền gốc và lãi mà bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị H là 52.048.000 đồng (*Năm mươi triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H không có ý kiến gì thêm. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo thụ lý, thông báo về việc tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa,

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng. Đối với phần nợ lãi, nguyên đơn thay đổi lãi suất và thời gian tính lãi. Cụ thể: Thời gian tính lãi từ ngày 12/05/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/12/2022) là 01 năm 07 tháng 10 ngày $40.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% = 6.418.667 \text{ đồng}$. Tổng số tiền gốc và lãi mà bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Nguyễn Thị H là 46.418.667 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Thu H có thỏa thuận vay tiền theo giấy mượn tiền. Quá trình thực hiện giao dịch, bà Thu H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên bà H có đơn khởi kiện, bị đơn cư trú tại quận Ninh Kiều nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên tòa theo địa chỉ trên nhưng bà đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3/ Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tổng số gốc 40.000.000 đồng.

Nhận thấy, theo Giấy nợ mượn tiền ngày 11/4/2021 thể hiện bà Nguyễn Thị Thu H mượn tiền của bà Nguyễn Thị H không thỏa thuận lãi và thỏa thuận thời hạn trả nên xác định đây là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, Giấy nợ mượn tiền ngày 11/4/2021 theo thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị Thu H có mượn bà Nguyễn Thị H số tiền là 30.000.000 đồng, 01 tháng trả + 10.000.000 đồng. Tổng: 40.000.000 đồng, bên dưới có chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị Thu H. Từ đó, cho thấy bà Thu H đã cho bà H vay số tiền 40.000.000 đồng là có thật và phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Thu H tham gia hòa giải và tham gia các phiên tòa nhưng bà vẫn vắng mặt nên Tòa án không có ý kiến gì của bà gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết theo quy định.

Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy: Sau khi bà Thu H vay tiền của bà H, bà Thu H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ theo thỏa thuận trong giấy nợ, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng là có căn cứ.

** Về mức lãi suất và thời gian tính lãi:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả theo quy định pháp luật và thời gian tính lãi từ ngày 12/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/12/2022) số tiền lãi là 6.418.667 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Xét thấy, các đương sự xác lập giao dịch về việc vay mượn tiền và thực hiện giao dịch với nhau từ vào ngày 11/4/2021. Mặc dù, các đương sự thỏa thuận việc vay tiền, có kỳ hạn 01 tháng trả và không thỏa thuận lãi trong giấy nợ nhưng theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”.

Nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp quy định Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với thời gian tính lãi đối với số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng từ ngày 12/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/12/2022). Xét thấy, theo biên nhận mượn tiền có thỏa thuận thời hạn trả là 1 tháng kể từ ngày 11/4/2021. Như vậy, đến ngày 11/5/2021 là đến hạn nhưng bị đơn không trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 12/5/2021 (ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp.

Số tiền lãi đối với số tiền 40.000.000 đồng tính từ ngày 12/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/12/2022) là 01 năm 07 tháng 10 ngày $\times$ 40.000.000 đồng $\times$ 0.83% = 6.418.667 đồng.

Từ những chứng cứ và phân tích trên cho thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Nên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền: 46.418.667 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

** Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn bà Nguyễn Thị. Thu H (62 tuổi) thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/*Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H tổng số tiền: 46.418.667 đồng (Trong đó: nợ gốc: 40.000.000 đồng; nợ lãi tạm tính đến ngày 22/12/2022 là 6.418.667 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết*) để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi